TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1081/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2/ Bà Nguyễn Thị Nở

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3714/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vưu Xuân A, sinh năm 1992 (có yêu cầu vắng mặt)
Địa chỉ: 22/2 T, Phường 11, Quận G, Thành phố H

- *Bị đơn:* Bà Luong Linh T, sinh năm 1993 (vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt)
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ: 2786 Wilbur Ave, San Joe, California 95127, USA

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án):* Trịnh Thanh N, sinh năm 1969 (vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt); Địa chỉ: 65/5 đường số 27, Phường S, quận G, Thành phố H. (Theo giấy ủy quyền ngày 24/3/2022 được Tổng Lãnh sự quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-Phran-Xi-XCô, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/4/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Vưu Xuân A trình bày:

Ông và bà Luong Linh T kết hôn vào năm 2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi kết hôn, ông và bà Luong Linh T chung sống với nhau được khoảng 3 tuần. Sau đó, bà Luong Linh T quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm

việc, còn ông vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Khi về Hoa Kỳ ông và bà Luong Linh T vẫn liên lạc với nhau bình thường qua điện thoại, thời gian đầu bà Luong Linh T có về Việt Nam thăm ông, sau đó do hai bên sống cách xa nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau nên hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, từ đó bà Luong Linh T không còn về Việt Nam nữa. Ông đã nhiều lần liên lạc với bà Luong Linh T để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện nay hai bên đã không còn liên lạc với nhau, thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà Luong Linh T, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Luong Linh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Vưu Xuân A khai không có.

Về tài sản chung: Ông Vưu Xuân A khai không có.

Về nợ chung : Ông Vưu Xuân A khai không có.

Bị đơn bà Luong Linh T trình bày tại bản tự khai ngày 24/3/2022 được Tổng Lãnh sự quán Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Xan-Phran-Xi-XCô, Hoa Kỳ chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 12/4/2022 có nội dung như sau: Bà và ông Vưu Xuân A kết hôn vào năm 2016 theo giấy chứng nhận kết hôn số 56 ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn bà thống nhất như trình bày của ông Vưu Xuân A. Bà được biết ông Vưu Xuân A đang yêu cầu ly hôn với bà tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của ông Vưu Xuân A bà có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Vưu Xuân A.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn ông Vưu Xuân A, bị đơn bà Lương Linh T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn ông Vưu Xuân A đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn bà Luong Linh T đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn ông Vưu Xuân A, bị đơn bà Luong Linh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy

định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Vưu Xuân A, bị đơn bà Luong Linh T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số số 56 ngày 12/4/2016 tại Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau được khoảng 3 tuần. Sau đó, bà Luong Linh T quay trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn ông Anh vẫn sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Khi về Hoa Kỳ hai bên vẫn liên lạc với nhau bình thường qua điện thoại. Do hai bên sống cách xa nhau nên không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau nên hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông Vưu Xuân A đã nhiều lần liên lạc với bà Luong Linh T để cùng nhau giải quyết mâu thuẫn nhưng không được. Hiện nay hai bên đã không còn liên lạc với nhau, thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay ông Vưu Xuân A nhận thấy không còn tình cảm với bà Luong Linh T, hôn nhân không hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Luong Linh T để ổn định cuộc sống. Ý kiến của bà Luong Linh T cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Vưu Xuân A.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Thực tế vợ chồng ông Vưu Xuân A, bà Luong Linh T đã không còn chung sống với nhau. Theo ông Vưu Xuân A trình bày do điều kiện địa lý xa cách dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Luong Linh T đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông Vưu Xuân A và bà Luong Linh T là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Ông Vưu Xuân A và bà Luong Linh T đều khai không có nên không xét.

Về tài sản chung: Ông Vưu Xuân A và bà Luong Linh T đều khai không có nên không xét

Về nợ chung: Ông Vưu Xuân A và bà Luong Linh T đều khai không có nên không xét

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Vưu Xuân A và bà Luong Linh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 122; Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vưu Xuân A.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Vưu Xuân A được ly hôn với bà Luong Linh T.

2/ Về con chung : Không có

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Vưu Xuân A phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền ông Vưu Xuân A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001530 ngày 13/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Vưu Xuân A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn ông Vưu Xuân A và bị đơn bà Luong Linh T. Ông Vưu Xuân A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Bà LuongLinh T được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nở **Nguyễn Thị Thanh Mai** **Phạm Thị Thu Phương**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương